

T, ngày 06 tháng 4 năm 2023

Số: 19/2023/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 16/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn*: **Chị Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1996;

Địa chỉ: khu D, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn*: Ông Bùi Đức D

– Trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ;

- *Bị đơn*: **Anh Mai Văn Tr**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: khu C, xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều: 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 3 năm 2023.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 3 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn** giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Mai Văn Tr.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. *Về con chung*: Chị Th và anh Tr có 02 con chung là cháu Mai Quang Kh, sinh ngày 02/10/2018 và cháu Mai Huy H, sinh ngày 14/7/2013. Khi ly hôn, chị Th được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Kh; anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng cháu H

đến khi từng con chung thành niên. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở.

2.2. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:* Chị Th và anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. *Về án phí sơ thẩm:*

Miễn nộp toàn bộ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị Nguyễn Thị Th theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Tr phải nộp toàn bộ 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*"Trong trường hợp bản án, quyết định đã- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì ng- ời đã- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đã- ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự."*

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Văn Luông;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

*(đã ký)*

**Nguyễn Thị Hồng Mai**

